

THUẾ LỢI TỨC BỔ SUNG VÀ MỘT SỐ PHÂN TÍCH

NGUYỄN HỒNG THẮNG

I. THUẾ LỢI TỨC BỔ SUNG

Theo Luật thuế lợi tức được Quốc hội thông qua ngày 30.6.1990, thuế suất thuế lợi tức đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh (trừ hộ kinh doanh nhỏ, hộ buôn chuyển) có ba mức: 30% hoặc 40% hoặc 50%, không có suất thu bổ sung.

Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế lợi tức được Quốc hội thông qua vào tháng 7.1993, thuế suất thuế lợi tức đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh đồng loạt giảm 5%, tức là còn: 25% hoặc 35% hoặc 45%.

Tuy nhiên theo điều 10 Luật sửa đổi bổ sung, các hộ kinh doanh tư nhân, các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh có lợi tức chịu thuế bình quân tháng tính theo đầu người góp vốn lớn hơn 10 triệu đồng, thì ngoài việc nộp thuế theo thuế suất ổn định, còn phải nộp thuế lợi tức bổ sung 25% trên phần lợi tức vượt 10 triệu đồng. Doanh nghiệp nhà nước, nếu có lợi tức chịu thuế cao do lợi thế khách quan, thì ngoài việc nộp thuế lợi tức theo thuế suất ổn định, phần lợi tức còn lại sau khi trừ số trích lập ba quỹ xí nghiệp phải nộp thuế lợi tức bổ sung theo một trong hai mức: 30% hoặc 40%.

1. Thuế lợi tức bổ sung đối với tư nhân kinh doanh

Giả sử một xí nghiệp tư nhân sản xuất hàng nhựa gia dụng, có lợi tức chịu thuế năm qua là 168 triệu đồng. Tổng thuế lợi tức của hộ này được xác định như sau:

- Thuế lợi tức phải nộp cả năm (theo thuế suất ổn định): $168 \text{ tr} \times 35\% = 58,8 \text{ tr}$
- Lợi tức chịu thuế bình quân tháng: $168 \text{ tr} : 12 \text{ tháng} = 14 \text{ tr}$
- Thuế lợi tức bổ sung: $(14 \text{ tr} - 10 \text{ tr}) \times 25\% \times 12 \text{ tháng} = 12 \text{ tr}$
- Tổng thuế lợi tức phải nộp cả năm: $58,8 \text{ tr} + 12 \text{ tr} = 70,8 \text{ tr}$
- Tỷ lệ thuế lợi tức (phần ổn định + phần bổ sung)/ lợi tức chịu thuế: $70,8 \text{ tr} : 168 \text{ tr} = 42\%$

2. Thuế lợi tức bổ sung đối với các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh: công ty cổ phần, công ty TNHH, kinh tế tập thể...

Giả sử một công ty cổ phần tư (Private Limited Company) ngành cơ khí, 15 cổ đông, có lợi tức chịu thuế

năm qua là 2.880 tr. Tổng thuế lợi tức của công ty này được xác định như sau:

- Thuế lợi tức phải nộp cả năm (theo thuế suất ổn định): $2.880 \times 25\% = 720 \text{ tr}$
- Lợi tức chịu thuế bình quân tháng tính theo đầu người góp vốn: $(2.880 \text{ tr} : 12 \text{ tháng}) : 15 \text{ cổ đông} = 16 \text{ tr}$
- Thuế lợi tức bổ sung: $(16 \text{ tr} - 10 \text{ tr}) \times 25\% \times 12 \text{ tháng} \times 15 \text{ cổ đông} = 270 \text{ tr}$
- Tổng thuế lợi tức phải nộp cả năm: $720 \text{ tr} + 270 \text{ tr} = 990 \text{ tr}$
- Tỷ lệ thuế lợi tức (phần ổn định + phần bổ sung)/ lợi tức chịu thuế 990 tr: $2.880 \text{ tr} = 34,375\%$

3. Thuế lợi tức bổ sung đối với doanh nghiệp nhà nước:

Công ty A, được cơ quan thuế xác định có lợi thế khách quan, năm qua tổng hợp các số liệu về lợi tức chịu thuế của các hoạt động kinh doanh như sau:

- * Hoạt động thương mại : 4.000 tr
- * Hoạt động sản xuất (bột ngọt) : 1.600 tr
- * Hoạt động xây dựng : 750 tr
- * Lợi tức khác : 80 tr

Cũng năm đó, tổng quỹ lương cấp bậc bình quân thực tế hợp lý cả năm: 2.462 tr

Thuế lợi tức của công ty được tính toán như sau:

- Xác định tổng thuế lợi tức theo thuế suất ổn định: Đơn vị tính: triệu đồng

	Lợi tức chịu thuế cả năm	Thuế suất thuế lợi tức (thuế suất ổn định)	Thuế lợi tức theo thuế suất ổn định
1	2	3	(4)=(2)x(3)
- Kinh doanh thương mại	4000	45%	1800
- Sản xuất (bột ngọt)	1600	35%	560
- Xây dựng	750	25%	187,5
- Lợi tức khác	80	45%	36
Tổng cộng	6430		2.583,5

- Xác định mức trích lập 3 quỹ xí nghiệp:

* Quỹ khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh = $35\% \times (6430 \text{ tr} - 2583,5 \text{ tr}) = 1346,275 \text{ tr}$

* Quỹ phúc lợi = quỹ khen thưởng: $2462 \text{ tr} : 2 = 1231 \text{ tr}$

Mức trích lập 3 quỹ xí nghiệp:

$1346,275 \text{ tr} + 1231 \text{ tr} + 1231 \text{ tr} = 3808,275 \text{ tr}$

- Xác định lợi tức chịu thuế bổ sung:

Lợi tức chịu thuế bổ sung = Tổng lợi tức chịu thuế - Thuế lợi tức phải nộp theo thuế suất ổn định - Mức trích lập ba quỹ xí nghiệp
 $= 6430 \text{ tr} - 2583,5 \text{ tr} - 3808,275 \text{ tr} = 38,225 \text{ tr}$

- Xác định thuế lợi tức bổ sung:

Thuế lợi tức bổ sung = Lợi tức chịu thuế bổ sung x Thuế suất lợi tức bổ sung
 $= 38,225 \text{ tr} \times 40\% = 15,29 \text{ tr}$
 - Tổng thuế lợi tức phải nộp cả năm: $2583,5 \text{ tr} + 15,29 \text{ tr} = 2598,79 \text{ tr}$

II. MỘT SỐ PHÂN TÍCH:

A Công thức tính thuế lợi tức (trường hợp chịu thuế lợi tức bổ sung):

1. Công thức tính thuế lợi tức đối với hộ tư nhân kinh doanh:

Gọi to: thuế suất lợi tức ổn định,

ts: thuế suất lợi tức bổ sung,

L: Lợi tức chịu thuế cả năm.

Ta có: tổng thuế lợi tức phải nộp cả năm = thuế lợi tức theo thuế suất ổn định + thuế lợi tức bổ sung

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 7

Như vậy: tổng thuế lợi tức phải nộp cả năm = $(L \times to) + [(L : 12) - 10] \times ts \times 12$
 $= (L \times to) + (L - 120) \times ts$

Tổng thuế lợi tức phải nộp cả năm = $(to + ts)L - 120ts$

(1)

Ràng buộc: $(L : 12) > 10$ hoặc $L > 120$ (1a)

2. Công thức tính thuế lợi tức đối với các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh

Vấn sử dụng các ký hiệu to, ts, gọi N số người góp vốn

Ta có: tổng thuế lợi tức phải nộp cả năm = thuế lợi tức theo thuế suất ổn định + thuế lợi tức bổ sung

Như vậy: tổng thuế lợi tức phải nộp cả năm = $(L \times to) + [(L : (12 \times N)) - 10] \times ts \times 12 \times N$
 $= (L \times to) + (L - 120N) \times ts$

Tổng thuế lợi tức phải nộp cả năm = $(to + ts)L - 120Nts$ (2)

Ràng buộc: $(L : 12N) > 10$ hoặc $L > 120N$ (2a)

3. Công thức tính thuế lợi tức đối với doanh nghiệp nhà nước trường hợp có lợi thế khách quan và phải nộp thuế lợi tức bổ sung

Vấn sử dụng các ký hiệu to, ts, L, N,

Gọi Ls: lợi tức chịu thuế bổ sung,

Lg: tổng quỹ lương cấp bậc thực tế bình quân hợp lý cả năm.

Q: ba quỹ xí nghiệp (quỹ khuyến khích phát triển sx - kd + quỹ phúc lợi + quỹ khen thưởng)

Ta có: tổng thuế lợi tức phải nộp cả năm

= thuế lợi tức theo thuế suất ổn định + thuế lợi tức bổ sung

= $L \times to + Ls \times ts$

= $L \times to + [L - (L \times to) - Q] \times ts$

= $L \times to + L \times ts - (L \times to \times ts) - Q \times ts$

= $L(to + ts - to \times ts) - [35\% (L - L \times to) + Lg]ts$

= $L[to + (1 - to)ts] - 35\% L \times ts(1 - to) - Lg \times ts$

Tổng thuế lợi tức phải nộp cả năm

= $L \times to + 65\% L \times ts(1 - to) - Lg \times ts$ (3)

B. Phân tích

1. Thuế lợi tức bổ sung điều tiết đáng kể vào mức lợi nhuận biên

Hộ tư nhân kinh doanh có $L < 120$ tr, đơn vị kinh tế ngoài QĐ có $L < 120$ N tr thì không phải nộp thuế LT bổ sung mà chỉ nộp thuế LT theo thuế suất ổn định (giảm 5% so với luật tháng 6.1990). Nếu ngược lại, các hộ và đơn vị này phải chịu thuế LT bổ sung tỷ lệ thuận với L.

VD1: Một hộ tư nhân KD may mặc có các mức L giá định: 120 tr, 150 tr, 168 tr, 192 tr, và 240 tr.

Tổng mức thuế lợi tức phải nộp cả năm (phần cơ bản + phần bổ sung) và tỷ lệ của nó so với L như sau:

đơn vị tính: triệu đồng

	Lợi tức chịu thuế cả năm:				
	120	150	168	192	240
1. Thuế lợi tức cơ bản (to = 35%)	42	52,5	58,8	67,2	84
2. Lợi tức chịu thuế bình quân tháng	10	12,5	14	16	20
3. Thuế lợi tức bổ sung (ts = 25%)	(không)	7,5	12	18	30
4. Tổng thuế LT (phần cơ bản + phần bổ sung)	42	60	70,8	85,2	114
5. Tỷ lệ: tổng thuế LT/lợi tức chịu thuế cả năm	35%	40%	42,143%	44,375%	47,5%

Các số liệu ở dòng 5 cho thấy tỷ lệ: tổng thuế lợi/lợi tức chịu thuế cả năm đã tăng lên như thế nào khi L gia

8 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

tăng.

VD2: Có 2 công ty cổ phần ngành công nghiệp nhẹ, sản phẩm tương tự nhau, cùng vốn đầu tư 10 tỷ đồng. Số cổ đông công ty A: 8 người, công ty B: 40 người (gấp 5 lần).

a. Mức khởi điểm chịu thuế LT bổ sung của công ty A: 960 tr (xem 2a).

Mức khởi điểm chịu thuế LT bổ sung của công ty B: 4.800 tr (xem 2a).

Kết luận: tổ chức kinh tế ngoài QĐ càng ít cổ đông, lợi tức càng phải sớm chịu thuế bổ sung.

b. Lập bảng so sánh

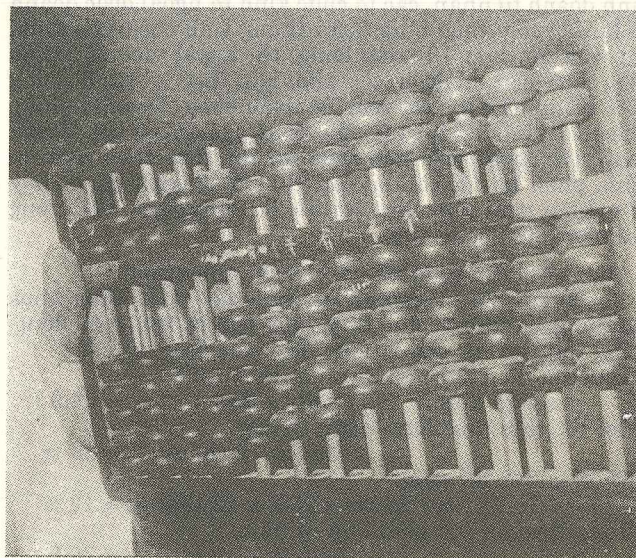
đơn vị tính: triệu đồng

	Cty A, vốn 10 tỉ đồng 8 cổ đông	Cty B, vốn 10 tỉ đồng 40 cổ đông
1. Lợi tức chịu thuế cả năm	5000	5000
2. Tổng thuế phải nộp (xem công thức 2)	2760	1800
3. Lợi nhuận dành cho cổ đông (lời ròng)	2240	3200
4. Mức thuế lợi tức/ cổ đông	345	45
1. Mức góp vốn bình quân/cổ đông	1250	250
2. Mức lợi nhuận bình quân dành cho 1 cổ đông	280	80
3. Tỷ suất lợi nhuận/tổng vốn của 1 cổ đông	22,4%	32%

Số cổ đông của công ty A kém 5 lần so với số cổ đông của công ty B nhưng thuế lợi tức phải nộp của công ty A lớn hơn 7,667 lần và lợi nhuận dành cho cổ đông càng giảm.

2. Môi trường thuế thiếu bình đẳng

Chúng ta thừa nhận hai điều. Một, quốc gia nào cũng duy trì các doanh nghiệp nhà nước (state enterprise). Hai, những phân biệt đối xử giữa các DN NN và DN ngoài NN là khó tránh khỏi. Vấn đề đáng quan tâm hơn là: DNNN hoạt động trong những ngành, lĩnh vực nào và sự phân



GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU

hoạt động trong những ngành, lĩnh vực nào và sự phân biệt đối xử đến độ nào? Theo chúng tôi được biết DNNN ở những nước phát triển thường xuất hiện tại các ngành, các lĩnh vực tư nhân ngại đầu tư hoặc tại những ngành then chốt mà nhà nước cần can thiệp trực tiếp nhằm điều hòa tổng quát hoạt động kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh đó, sự ưu đãi thuế cho DNNN nếu có, không đẩy các DN ngoài NN vào tình thế bất lợi, đồng thời không phá vỡ các tương quan giữa chúng với DNNN.

Hiện nay ở nước ta, cả DNNN lẫn DN ngoài NN tồn tại và vận động trong cùng một ngành, thậm chí một nghề, mà như vậy chắc chắn xảy ra sự cạnh tranh giữa DNNN và DN ngoài NN. Để bảo vệ các đơn vị kinh tế của mình, nhà nước phải sử dụng nhiều công cụ, trong đó có lá chắn thuế.

a. Các DNNN chỉ nộp thuế lợi tức bổ sung nếu được xác định có lợi thế khách quan (vị trí thuận lợi trong kinh doanh, cung cấp nguyên vật liệu, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; được nhà nước đầu tư hỗ trợ vốn, ưu tiên trang bị kỹ thuật hoạt động trong những ngành nghề ít bị cạnh tranh v.v.). Đối với DN ngoài nhà nước thì khác. Không xem xét có lợi thế khách quan hay không chỉ cần DNNN đạt mức lợi tức chịu thuế bình quân tháng tính theo đầu người góp vốn vượt 10 triệu đồng, đã phải chịu thuế lợi tức bổ sung. Nói khác đi mặc dù cùng ngành nghề kinh doanh, nếu các DNNN đạt lợi tức chịu thuế cả năm cao không do lợi thế khách quan, thì đương nhiên không chịu thuế bổ sung, trong khi DN ngoài NN phải nộp thuế bổ sung. Hóa ra sự cố gắng của các DNNN được thưởng xứng đáng (được che chắn bởi thuế), còn sự cố gắng của các DN ngoài NN bị thuế tấn công (trả thêm 25% chi phí thuế cho phần lợi nhuận gia biên)

b. Phần lợi tức chịu thuế bổ sung của các DNNN loại ra số lợi nhuận trích lập 3 quỹ xí nghiệp. Có khả năng, mức trích 3 quỹ đủ lớn khiến phần lợi tức chịu thuế bổ sung không đáng kể. Các quỹ của DN ngoài NN có được bảo vệ trước thuế lợi tức bổ sung hay không? Bạn sẽ nhận tại đây câu trả lời không.

c. Một câu hỏi đặt ra: Nếu L tăng vô hạn thì DN và DN ngoài NN phải dành tối đa bao nhiêu % từ L cho việc nộp thuế lợi tức?

* Đối với hộ tư nhân và tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh:

Khi L tăng vô hạn thì đơn vị phải trả thuế lợi tức tối đa: 70%L

(Tìm giới hạn của (1)/L và (2)/L khi L tăng vô hạn, ta sẽ có:

$\lim (1)/L = \lim (2)/L \rightarrow (to + ts)L$

* Đối với DNNN:

Khi L tăng vô hạn thì đơn vị phải trả thuế lợi tức tối đa: 59,3%L

(Tìm giới hạn của (3)/L khi L tăng vô hạn ta sẽ có: $\lim (3)/L \rightarrow 59,3\%L$)

3. Gây ra hiện tượng trùng thuế

Hiện tượng trùng thuế được hiểu theo 3 cách:

- Thuế ở ngay khâu kinh doanh này đánh lên chính nó,
- Thuế khâu sau đánh lên thuế khâu trước,
- Thuế khâu sau đánh lên phần đã chịu thuế khâu trước.

Trước khi chịu thuế lợi tức bổ sung, lợi tức chịu thuế cả năm (L) của doanh nghiệp đã chịu thuế lợi tức theo thuế suất ổn định. Đối với DN ngoài NN, toàn bộ L tiếp tục được dùng làm căn cứ xác định thuế bổ sung bằng cách tính ra lợi tức chịu thuế bình quân tháng theo đầu người góp vốn rồi chịu suất thu 25% trên phần vượt 10 tr đồng. Đối với DNNN, thuế bổ sung đánh lên phần còn lại của L sau khi trừ thuế lợi tức đã nộp theo thuế suất ổn định và số lợi nhuận trích lập 3 quỹ xí nghiệp ■

Tác giả gọi bản in kỳ này là "tân biên" vì nhiều lẽ:

- Về hình thức:

Bản in này (228 tr, bìa 4 màu, cán láng, mỹ thuật) có nhiều điểm khác với bản in lần đầu năm 1993 (144 tr., bìa 2 màu). Tác giả đã bổ sung thêm 14 minh họa đẹp của Nhật, Trung Quốc, một số trong đó là tranh cổ, khá hiếm thấy ở Việt Nam.

- Về nội dung:

Tác giả thêm vào 6 bài viết khác. Phần lớn các bài của bản in 1993 đều viết lại, kỹ hơn, có bổ sung nhiều chi tiết mới, quan trọng. Có rất nhiều chú thích cuối trang mà bản cũ không có cũng như thêm nhiều phân đoạn với lối viết khá "thơ mộng", như:

* Cát bụi chân ai, còn đây lòng trẻ

* Ôn Thầy như núi Thái, sao gửi gió ngàn bay

* Lặng lẽ một phương trời lữ thứ,

Mình riêng mình soi bóng cô liêu. v.v..

Đối chiếu bản in 1993, người đọc dễ dàng nhận ra tác giả đã làm việc cẩn trọng, vì lẽ nhiều tình tiết của Tây du cũng được giải mã bổ sung - như các ý nghĩa về: cà sa và tích tượng của Đường Tăng; yêu tinh lập chùa Lôi Am giả, làm giả Phật Tổ; cách nổi lửa và dụng cụ nổi lửa của Hồng Hải Nhi; giảng thêm ý nghĩa động Bàn Ty; tên gọi và bản tướng của Hồng Hải Nhi; lửa văn lửa vũ của Lão Tử, v.v..

- Về học thuật:

Có nhiều chi tiết giá trị, như:

* Phiên âm và dịch lại trọn vẹn đoạn văn Bồ Đề Tổ Sư đặt tên cho Hầu Vương (các bản dịch ở Việt Nam đều cắt bỏ chỗ này);

* Viết lại về các *xâu chuỗi*, *bàn tay Phật hóa núi Ngũ Hành* nhất Tề Thiên;

* Sự sơ sót của nữ đạo diễn Dương Khiết (Trung Quốc) trong bộ phim Tây du - Tam Tạng qua Tây phương thỉnh kinh không phải viết bằng tiếng Phạn, mà viết bằng chữ... Hán !!!

* Nói về tư tưởng *Nho Thích Lão* đề huề ở thời đại Ngô Thừa Ân (triều Minh) - bài "*Tây du ký có bài Lão tôn Phật không?*"

* Các văn bản khác về truyện Tây du;

* Lai lịch Khưu Trường Xuân và Toàn Chân phái;

* Những phát hiện mới về thân thế Ngô Thừa Ân ở Trung Quốc năm 1981...

Ngoài các bài báo liên quan tới GMTTD (bản in 1993), được in lại trong phần "Dư âm GMTTD", tác giả qua bài viết "*Bây giờ nhớ lại*" (nhân kỷ tái bản) đã kể lại "nhân duyên" và quá trình hình thành tác phẩm - kể từ lúc đầu về công tác tại Đại học Kinh tế, tham gia làm tạp chí *Phát triển Kinh tế* kể từ những số đầu tiên.

Tóm lại, bản in lần hai rõ ràng có nhiều ưu thế hơn, súc tích, phong phú, và đẹp hơn bản in đầu - một quyển sách tái bản mà vẫn là mới mẻ về cả hình thức lẫn nội dung. Có lẽ vì thế mà ngay trong tuần lễ phát hành đầu tiên, GMTTD đã được báo chí ở TP quan tâm giới thiệu nồng nhiệt: "...bạn sẽ bị cuốn sách này lôi cuốn ngay từ đầu về những cách phân tích, bình luận rất độc đáo và đầy kiến thức (...) Bảo đảm khi gấp sách lại, cái nhìn của bạn về Tây du ký và về tác giả của nó sẽ khác hẳn". (Tuổi trẻ, thứ bảy 15.4.1995). Báo Người lao động, thứ sáu 21.4.1995, cho rằng với GMTTD, tác giả của nó "qua cách làm việc nghiêm túc của một người nghiên cứu cẩn trọng" đã có "cái duyên với truyện Tây du"...

Đã đọc và thích thú GMTTD (1993) chắc chắn sẽ càng hài lòng thêm với GMTTD [tân biên] (1995) của Lê Anh Dũng, một tác giả không xa lạ gì với độc giả *Phát triển Kinh tế* trong mấy năm qua ■

NGUYỄN LƯỢNG

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 9